

Biểu số: 003.H/BCC-TKQG

Ban hành theo

Ngày nhận báo cáo:

Sơ bộ 6 tháng: Ngày 20 tháng 11

Sơ bộ năm: Ngày 31 tháng 3 năm sau

**BÁO CÁO SƠ BỘ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THEO NGÀNH KINH TẾ VÀ LOẠI HÌNH KINH
TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC
THUỘC TRUNG ƯƠNG**

(6 tháng đầu năm...../Cả năm.....)

- Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê
.....

- Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục
Thống kê

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Mã số	Tổng số	Chia ra		
			Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
A	B	1	2	3	4
Tổng thu ngân sách nhà nước	01				
A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	02				
B. Khai khoáng	03				
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	04				
D. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	05				

E. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	06				
F. Xây dựng	07				
G. Bán buôn, bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	08				
H. Vận tải kho bãi	09				
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	10				
J. Thông tin và truyền thông	11				
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	12				
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	13				
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	14				
N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	15				
O. Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, ANQP và bảo đảm xã hội bắt buộc	16				
P. Giáo dục và Đào tạo	17				
Q. Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	18				

R. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	19				
S. Hoạt động dịch vụ khác	20				
T. Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình; sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	21				
U. Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	22				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày.....tháng năm
Cục trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguồn: Thông tư 01/2019/TT-BKHĐT